TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **177**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Ông Nguyễn Văn Thục

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 31/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Dương Thị Phương T, sinh năm 1985 (Xin vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Đỗ Hồng K, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng của anh K tại Việt Nam: Tổ dân phố Đức Thịnh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Anh K hiện đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Dương Thị Phương T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Hồng K kết hôn với nhau ngày 20/11/2007, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và được sự đồng ý của 2 bên gia đình tổ chức đám cưới. Anh chị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa theo đúng quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Đến năm 2017 anh Đỗ Hồng K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng có

liên lạc với nhau. Tuy nhiên, chỉ thời gian ngắn sau khi anh K đi nước ngoài, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, vợ chồng xa cách lâu ngày không có tiếng nói chung. Sau đó anh chị ngày càng ít liên lạc với nhau và đến nay chị không còn liên lạc gì với anh Đỗ Hồng K nữa. Vợ chồng đã xa nhau thời gian dài, bất đồng quan điểm sống và hiện tại không còn tình cảm gì với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Đỗ Hồng K được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Khánh D, sinh ngày 21/9/2008 và cháu Đỗ Nhung H, sinh ngày 18/12/2012. Hiện nay cháu Dvà cháu H đang ở cùng chị. Khi ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cháu Đỗ Khánh D và cháu Đỗ Nhung H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không đề nghị anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm nghề tự do và thu nhập ổn định, thu nhập khoảng 10 triệu / 1 tháng nên có đủ khả năng để chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh Đỗ Hồng K hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh K đến nay không nhận được thông tin của anh K.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của anh K là bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 4, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, bà có ý kiến trình bày như sau: Bà là mẹ đẻ của anh Đỗ Hồng K, anh K lấy vợ tại huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và đã chuyển khẩu lên xã Đức Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay, anh K không ở Việt Nam và đang lao động tại Đài Loan. Gia đình vẫn liên lạc với anh K qua mạng xã hội, anh K vẫn hay gọi điện về nhà hỏi thăm bà nhưng về địa chỉ cụ thể của anh K ở Đài Loan thì bà không biết cụ thể nên không cung cấp cho Tòa án được. Liên quan đến việc ly hôn của anh K và chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, bà từ chối nhận văn bản của Tòa án gửi cho anh K.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh K vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1,

2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Phương T. Xử:

Cho chị Dương Thị Phương T được ly hôn với anh Đỗ Hồng K.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Khánh D, sinh ngày 21/9/2008 và cháu Đỗ Nhung H, sinh ngày 18/12/2012 cho chị Dương Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Dương Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Dương Thị Phương T là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Bắc Giang có đơn xin ly hôn, giải quyết con chung đối với anh Đỗ Hồng K. Bị đơn anh Đỗ Hồng K ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 13067/QLXNC-P5 ngày 30/5/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Đỗ Hồng K đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 26/10/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh Đỗ Hồng K được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Đỗ Hồng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm việc với bà Vũ Thị Đủ là mẹ đẻ của anh K xác định hiện anh K đang ở nước ngoài nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh K ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh K theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Phương T và anh Đỗ Hồng K đăng ký kết hôn ngày 20/11/2007 tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh K. Xem xét đơn khởi kiện của chị T, HĐXX

thấy: năm 2017 anh Đỗ Hồng K đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau. Tuy nhiên, chỉ thời gian ngắn sau khi anh K đi nước ngoài, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, xa cách lâu ngày không có tiếng nói chung. Sau đó anh chị ngày càng ít liên lạc với nhau và đến nay chị T không còn liên lạc gì với anh K nữa. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Dương Thị Phương T được ly hôn với anh Đỗ Hồng K.

[4]. Về con chung: Chị T và anh K có 02 con chung là cháu Đỗ Khánh D, sinh ngày 21/9/2008 và cháu Đỗ Nhung H, sinh ngày 18/12/2012, cả hai cháu hiện đang ở với chị T. Anh K hiện đang sinh sống và lao động tại nước ngoài không có địa chỉ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đỗ Khánh D và cháu Đỗ Nhung H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): chị T xác định không có, không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Dương Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Phương T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Phương T được ly hôn với anh Đỗ Hồng K.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Khánh D, sinh ngày 21/9/2008 và cháu Đỗ Nhung H, sinh ngày 18/12/2012 cho chị Dương Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Dương Thị Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005375 ngày 26/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Đỗ Hồng K hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Dương Thị Phương T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Văn Thục	**Đỗ Văn Long**	**Hoàng Thị Hải Hường**